

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 3 – 2020
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Kim Ph (U), sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 155, Tổ 9, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Minh C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 155, Tổ 9, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Ph, ông C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm Phan Thị Kim Ph là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Ph và ông C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 02/3/2011. Thời gian đầu, bà Ph và ông C chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C có lời lẽ xúc phạm bà Ph, không cho bà Ph đi gặp bạn bè, người thân. Trước đây, bà Ph có nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông C nhưng

do Tòa án động viên đoàn tụ nên bà Ph đã rút đơn khởi kiện, tuy nhiên giữa bà và ông C không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Hiện nay, bà Ph và ông C không còn chung sống với nhau. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 15/11/2012. Hiện con chung đang sống cùng bà Ph. Khi ly hôn, bà Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, cho đến khi Minh Kh đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Minh C là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông C thừa nhận lời trình bày của bà Ph về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông C không muốn ly hôn với bà Ph do vẫn còn tình cảm với bà Ph và không đồng ý ly hôn. Ông C mong muốn được hàn gắn tình cảm với bà Ph, mong muốn con chung có đầy đủ cha mẹ phát triển bình thường. Tại phiên tòa, ông C đồng ý ly hôn với bà Ph.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 15/11/2012. Hiện con chung đang sống cùng bà Ph. Ông C yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Minh Kh, không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Chứng minh nhân dân tên Phan Thị Kim Ph (Photo);

- 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Phan Thị Kim Ph (Photo);

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (Bản chính);

- 01 Giấy khai sinh tên Trần Minh Kh, sinh ngày 15/11/2012 (Bản sao);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 04/02/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Phan Thị Kim Ph có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với ông Trần Minh C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *“Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con”*.

Ông Trần Minh C là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph yêu cầu ly hôn với ông C, ông C đồng ý ly hôn với bà Ph.

Bà Ph và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02 tháng 3 năm 2011, do đó hôn nhân giữa bà Ph và ông C là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông C. Bên cạnh đó ông C cũng đồng ý ly hôn với bà Ph. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà Ph và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Kim Ph.

- Về con chung: Bà Ph và ông C đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh Kh, sinh ngày 15/11/2012. Bà Ph yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở. Ông C không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

Xét từ khi bà Ph và ông C xảy ra mâu thuẫn đến nay, bà Ph là người trực tiếp nuôi con chung; Ông C không về chăm sóc con chung cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Bên cạnh đó, theo bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2020 thì con chung Trần Minh Kh có nguyện vọng sống chung với mẹ. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014 có quy định: *“...; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Và căn cứ vào khoản 2 điều 82 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014 cũng có quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Ph yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận. Vì vậy, giao con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 15/11/2012 cho bà Ph được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án.

Thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 3/2020 cho đến khi con chung Trần Minh Kh, sinh ngày 15/11/2012 đủ 18 tuổi.

Ông C được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Bà Phan Thị Kim Ph phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Trần Minh C phải chịu án về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Kim Ph.

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Kim Ph được ly hôn với ông Trần Minh C.
- Về con chung: Bà Phan Thị Kim Ph được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Minh Kh, sinh ngày 15/11/2012.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án.

Thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 3/2020 cho đến khi con chung Trần Minh Kh, sinh ngày 15/11/2012 đủ 18 tuổi.

Ông C được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Bà Ph và ông C có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về nợ chung: Bà Ph và ông C không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về án phí: Bà Phan Thị Kim Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009475 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Ph đã nộp xong tiền án phí.

Ông Trần Minh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Minh